

Bài 1: Nối từ tiếng Anh (Cột A) với nghĩa tiếng Việt tương ứng (Cột B)

Cột A	Cột B
1. Sausage	a. Bữa sáng
2. Breakfast	b. Khoai tây chiên
3. Chip	c. Xúc xích
4. Evening	d. Bữa ăn
5. Meal	e. Buổi tối
6. Favorite	f. Yêu thích

Bài 2: Nhìn vào các chữ cái bị xáo trộn và viết lại thành từ đúng

1. g e g → (Trứng)
2. u n c h l → (Bữa trưa)
3. u r g e r b → (Bánh mì kẹp thịt)
4. t a e m → (Thịt)
5. y o t → (Đồ chơi)
6. i n n e r d → (Bữa tối)

Bài 3: Khoanh tròn vào từ khác loại (Odd one out)

1. A. Breakfast B. Lunch C. Dinner D. Chip
2. A. Meat B. Egg C. Toy D. Sausage
3. A. Eat B. Burger C. Sausage D. Chip
4. A. Morning B. Evening C. Afternoon D. Meal

Bài 4: Chọn đáp án đúng nhất

1. What's your favorite _____? - It's breakfast.
A. food B. meal C. drink
2. What do you _____ for lunch?
A. eat B. eats C. eating
3. I _____ like some eggs and chips.
A. what B. would C. do

4. What do you eat _____ dinner?
A. on B. at C. for
5. My favorite meal is _____.
A. meat B. sausage C. dinner

Bài 5: Sắp xếp các từ sau để tạo thành câu hoàn chỉnh

1. favorite / meal / is / What / your / ?
→
2. eat / breakfast / for / What / do / you / ?
→
3. eat / I / and / eggs / meat / .
→
4. like / would / for / What / you / lunch / ?
→
5. would / I / burger / a / like / .
→

Bài 6: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống

- A: What is your favorite (1) _____?
- B: (2) _____ lunch.
- A: What do you (3) _____ for lunch?
- B: I eat rice and eggs.
- A: What (4) _____ you like for dinner?
- B: I would like a burger (5) _____ dinner.

Bài 7: Dịch các câu sau sang tiếng Anh

1. Bữa ăn yêu thích của bạn là gì?
→
2. Bạn ăn gì cho bữa sáng?
→
3. Tôi ăn bánh mì kẹp thịt và khoai tây chiên.
→
4. Bạn muốn ăn gì cho bữa tối?
→
5. Tôi muốn xúc xích và trứng.
→